TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-PT
Ngày: 26 – 01 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn, hợp đồng mua nhà

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Ông Lê Thanh Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn, hợp đồng mua nhà.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Trường Đ**, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 22, Lý Văn L, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: **Công ty C**; địa chỉ trụ sở: Số A1, đường B1, Khu dân cư Đ, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T: Bà Lương Thị Hồng M, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp 1, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Lô A02, đường D, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2020) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

* Anh Lý Khem Ma R, sinh năm 1979 và chị Châu Thanh H, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: Số 45, đường 14, Khu dân cư T, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lý Khem Ma R, và chị Châu Thanh H: Bà Huỳnh Thị H. (Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2019) (có mặt).

* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1974 và ông Trương Văn T, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Số 22/16C, Khóm 4, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn T: Bà Huỳnh Thị H. (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021) (có mặt).

* Bà Trần Huỳnh D, sinh năm 1982; cư trú tại: Số 22, Lý Văn L, Khóm A, Phường B, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông bà Trần Huỳnh D: Ông Nguyễn Trường Đ. (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021) (có mặt).

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Nguyễn Trường Đ, là nguyên đơn.

2. Công ty C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Trường Đ trình bày: Vào ngày 06/10/2014 ông và Công ty C ký kết hợp đồng số 32/GVXD/10/2014, nội dung thỏa thuận ông mua một căn nhà thô của Công ty C có cấu trúc xây tô, lợp mái hoàn chỉnh, lăm le không lót nền, không bê sơn, không gắn hệ thống cửa, không đóng la phông, không làm hệ thống điện nước trong nhà, diện tích xây dựng 4,5 x 17,5m = 78,75m^2, diện tích quyền sử dụng đất gắn liền theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 513673 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp cho Công ty C là 4,5 x 18m = 81m^2, vị trí tại nền số 45, đường Số 14 hướng Nam Khu dân cư T, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Công ty không lập hợp đồng mua bán, do phần đất nằm trong dự án khu nhà cho người có thu nhập thấp, nên khi nào xây dựng nhà xong làm thủ tục chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng mới làm hợp đồng mua bán. Theo hợp đồng, giá trị nhà là 250.000.000 đồng, ông Đ đã trả cho Công ty C là 203.000.000 đồng, phần còn lại là 47.000.000 đồng khi Công ty giao nhà và quyền sử dụng đất sẽ trả đủ, thời hạn giao nhà 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Đến thời hạn giao nhà ông Đ đã nhiều lần liên hệ nhắc, nhưng Công ty C vẫn không xây dựng nhà giao mà cứ hẹn nhiều lần. Đến ngày 01/7/2018 ông Đ phát hiện Công ty C đã bán căn nhà trên cho người khác và họ đang sử dụng. Nay ông Đ yêu cầu Công ty C giao nhà và đất cho ông theo đúng thỏa thuận.

Bị đơn Công ty C trình bày: Trước đây Công ty C vay tiền của ông Đ nhiều lần, cụ thể ngày 24/5/2014 vay 50.000.000 đồng, ngày 21/6/2014 vay 50.000.000 đồng, ngày 26/6/2014 vay 10.000.000 đồng, ngày 29/6/2014 vay 10.000.000 đồng, ngày 30/6/2014 vay 50.000.000 đồng, ngày 26/7/2014 vay 50.000.000 đồng. Năm 2014 Công ty C gặp khó khăn trong kinh doanh, không có tiền thanh toán nợ lãi cho ông Đ, nên ngày 06/10/2014 ký kết Hợp đồng số 32/GVXD/10/2014, thỏa thuận bán căn nhà thô như trên cho ông Đ, vì công ty nợ ông Đ các khoản nợ nói trên nên mặc dù ông Đ không đưa tiền cho công ty, nhưng công ty vẫn lập phiếu thu 02 lần tổng số tiền 203.000.000 đồng mục đích để cấn trừ nợ lãi vay. Sau đó, năm 2016 do Công ty C khó khăn về tài chính không có nguồn vốn để xây dựng

nhà, nền nhà bán cho ông Đ chưa được xây dựng, phía ông Đ nói cần nguồn vốn kinh doanh nên ông Đ và công ty có trao đổi hai bên thỏa thuận ông Đ đồng ý bán lại nhà nói trên với giá 100.000.000 đồng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không làm văn bản và không có người chứng kiến. Sau đó, Công ty C thỏa thuận bán cho bà Huỳnh Thị H căn nhà thô trên giá 250.000.000 đồng, bà H đầu tư xây dựng nhà hoàn thiện bán lại cho người mua đủ điều kiện mua nhà ở thu nhập thấp. Công ty và bà H thỏa thuận bà H trả cho công ty 250.000.000 đồng và bỏ vốn đầu tư xây dựng nhà hoàn thiện, khi nào xây dựng xong thì bà H có quyền chuyển nhượng nhà cho người khác, chuyển nhượng được bao nhiêu thì bà H được quyền nhận tiền. Nay ông Đ yêu cầu Công ty C giao nhà và đất cho ông theo đúng thỏa thuận Công ty không đồng ý, vì ông Đ đã thỏa thuận bán lại nhà trên cho Công ty với giá 100.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho ông Đ.

Đối với yêu cầu của độc lập của anh Lý Khem Ma R thì Công ty C thống nhất có ký kết hợp đồng đăng ký mua nhà ở thu nhập thấp ngày 28/8/2017 với anh Ma R và thống nhất giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Ma R để chuyển tên trên giấy chứng nhận, đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H, ông Trương Văn T, anh Lý Khem Ma M, chị Châu Thanh H thống nhất trình bày: Năm 2016 bà H mua của Công ty C 01 căn nhà thô đường Số 14, căn thứ 8, nền 45, hướng Nam giá 250.000.000 đồng, công ty giảm 10.000.000 đồng còn lại 240.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Công ty chưa có nhà thô, nên bà H đầu tư tiền ra xây thành nhà thô rồi trừ lại vô tiền mua nhà sau có sự đồng ý của công ty, tổng tiền xây thành nhà thô là 80.000.000 đồng và bà H đã đóng cho công ty thêm 100.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả là 180.000.000 đồng. Bà H tiếp tục đầu tư thành nhà hoàn thiện và bán lại cho anh Lý Khem Ma R và chị Châu Thanh H với giá 400.000.000 đồng. Anh Ma R là người đủ điều kiện để đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định pháp luật nên giữa bà H Công ty C, anh Ma R ký kết hợp đồng đăng ký mua bán nhà ở thu nhập thấp ngày 28/8/2017, nội dung hợp đồng 03 bên thể hiện người mua là anh Ma R, người bán là Công ty C, người đầu tư là bà H và anh Ma R đã trả được 350.000.000 đồng cho bà. Hiện nay anh Ma R còn nợ lại bà H 50.000.000 đồng, bà H giao nhà cho anh Ma R và chị H vào ở ổn định. Nay anh Ma R và chị H yêu cầu Công ty tiếp tục thực hiện hợp đồng bàn giao tất cả hồ sơ để chuyển tên qua cho anh Ma R và chị H. Đối với số tiền bà H còn nợ công ty thì bà H thống nhất trả công ty 60.000.000 đồng. Anh Ma R thống nhất trả số tiền còn nợ 50.000.000 đồng đối với căn nhà nói trên. Đối với việc anh Ma R còn nợ lại bà H 50.000.000 đồng thì bà H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đối với yêu cầu của ông Đ thì bà H, anh Ma R và chị H không đồng ý giao lại nhà cho ông Đ vì anh Ma R, chị H đã sử dụng ổn định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Huỳnh D trình bày: Bà thống nhất toàn bộ các ý kiến, trình bày của ông Nguyễn Trường Đ, tài sản tham gia giao dịch giữa Công ty C và ông Đ là tài sản chung vợ chồng nhưng bà đồng ý cho ông Đ đại diện trình bày, nhận tiền, tài sản, mọi quyết định của ông Đ là quyết định của bà và bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường Đ đối với Công ty C.

Tuyên bố hợp đồng góp vốn số 32/GVXD/10/2014 ngày 06/10/2014 giữa ông Nguyễn Trường Đ với Công ty C vô hiệu.

Buộc Công ty C trả cho ông Nguyễn Trường Đ và bà Trần Huỳnh D số tiền 317.573.200 đồng. (*Ba trăm mười bảy triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm đồng*), trong đó số tiền đã nhận theo hợp đồng là 203.000.000 đồng (*Hai trăm lẻ ba triệu đồng*) và bồi thường thiệt hại 114.573.200 đồng. (*Một trăm mười bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm đồng*).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty C và anh Lý Khem Ma R, chị Châu Thanh H, công nhận hợp đồng đăng ký mua nhà thu nhập thấp ngày 28/8/2017 giữa anh Lý Khem Ma R với Công ty C có hiệu lực pháp luật.

Anh Lý Khem Ma R, chị Châu Thanh H, Công ty C có quyền, nghĩa vụ làm thủ tục kê khai đăng ký chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 513673 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/12/2012 cho Công ty C, thửa đất số 939, tờ bản đồ số 8, đường 14 Khu dân cư T, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu sang tên anh Lý Khem Ma R và chị Châu Thanh H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; lãi suất chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2020, bị đơn Công ty C kháng cáo Bản án số 72/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, không đồng ý chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 15/10/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Trường Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại công nhận hợp đồng giữa ông Đ và Công ty C có hiệu lực theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Công ty C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn ông Nguyễn Trường Đ rút toàn bộ nội dung kháng cáo, đồng ý nhận số tiền 317.573.200 đồng, gồm tiền đã thanh toán cho Công ty C là 203.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 114.573.200 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận việc rút kháng cáo của ông Nguyễn Trường Đ; không chấp nhận kháng cáo của Công ty C và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 72/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trường Đ và của Công ty C trong thời hạn luật định là hợp lệ; tại phiên tòa ông Nguyễn Trường Đ rút toàn bộ nội dung kháng cáo, nên chấp nhận việc rút kháng cáo của ông Đ.

[3]. Ngày 06/10/2014 ông Đ và Công ty C ký kết hợp đồng số 32/GVXD/10/2014, nội dung thỏa thuận Công ty C bán cho ông Đ căn nhà thô, vị trí tại nền số 45, đường Số 14 hướng Nam Khu dân cư T, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu với giá là 250.000.000 đồng và ông Đ đã thanh toán số tiền 203.000.000 đồng. Công ty chưa xây dựng nhà bán giao cho ông Đ đúng thời hạn như ký kết. Năm 2016 Công ty C đã thỏa thuận bán cho bà H căn nhà thô trên giá 250.000.000 đồng, bà H đầu tư xây dựng nhà hoàn thiện bán lại cho anh Ma R, hiện anh Ma R và chị H đang sử dụng nhà ở.

Công ty C kháng cáo cho rằng, năm 2016 do ông Đ đã thỏa thuận bán lại nhà trên cho Công ty với giá 100.000.000 đồng, có cung cấp đoạn ghi hình nội dung ông Đ nói bán nhà cho Công ty bằng 100.000.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho ông Đ. Ông Đ không thừa nhận đồng ý bán lại nhà trên cho Công ty với giá 100.000.000 đồng.

[4]. Tòa án sơ thẩm đã thực hiện trưng cầu giám định đoạn ghi hình do Công ty C cung cấp và kết luận là không đủ điều kiện để tiến hành giám định. Tại cấp phúc thẩm Công ty C tiếp tục cung cấp fil camera giống như đã cung cấp để giám định tại cấp sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử nghe và file camera này kết nối thêm với loa âm thanh có tầm suất lớn, nội dung ông Đ thừa nhận đã bán nhà lại cho Công ty C với giá 100.000.000 đồng.

Xét thấy, việc kết luận nội dung và giọng nói của ông Đ thì phải trên cơ sở kết luận giám định của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền, cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục giám định và có kết luận là không đủ cơ sở giám định, nên không có căn cứ xác định. Mặt khác, theo tờ nội dung diễn giải nội dung fil camera và lời trình bày của Công ty tại phiên tòa phúc thẩm cũng không có nội dung nào đủ kết luận Công ty C và ông Đ đã hoàn thành việc ông Đ bán lại nhà thô nền Số 45, đường Số 14 nêu trên cho Công ty C bằng 100.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc Công ty C phải thanh toán trả số tiền 317.573.200 đồng, gồm tiền đã thanh toán cho Công ty C là 203.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 114.573.200 đồng là có cơ sở, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty C mà cần chấp nhận như ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[6]. Án phí dân sự phúc thẩm, ông Nguyễn Trường Đ và Công ty C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận việc rút kháng cáo của ông Nguyễn Trường Đ, không chấp nhận kháng cáo của Công ty C. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 72/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 157, Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 407, 408 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 và khoản 8 Điều 26, điểm a, b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường Đ đối với Công ty C.

Tuyên bố hợp đồng góp vốn số 32/GVXD/10/2014 ngày 06/10/2014 giữa ông Nguyễn Trường Đ với Công ty C vô hiệu.

Buộc Công ty C trả cho ông Nguyễn Trường Đ và bà Trần Huỳnh D số tiền 317.573.200 đồng. (*Ba trăm mười bảy triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm đồng*), trong đó số tiền đã nhận theo hợp đồng là 203.000.000 đồng (*Hai trăm lẻ ba triệu đồng*) và bồi thường thiệt hại 114.573.200 đồng. (*Một trăm mười bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm đồng*).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty C và anh Lý Khem Ma R, chị Châu Thanh H, công nhận hợp đồng đăng ký mua nhà thu nhập thấp ngày 28/8/2017 giữa anh Lý Khem Ma R với Công ty C có hiệu lực pháp luật.

Anh Lý Khem Ma R, chị Châu Thanh H, Công ty C có quyền, nghĩa vụ làm thủ tục kê khai đăng ký chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 513673 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 25/12/2012 cho Công ty C, thửa đất số 939, tờ bản đồ số 8, đường 14 Khu dân cư T, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu sang tên anh Lý Khem Ma R và chị Châu Thanh H.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Buộc Công ty C phải trả lại cho ông Nguyễn Trường Đ 850.000 đồng (*Tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

4. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Trường Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000296 ngày 13/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Buộc anh Lý Khem Ma R, chị Châu Thanh H phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Lý Khem Ma R, chị Châu Thanh H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000871 ngày 13/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, anh Ma R và chị H được hoàn lại 150.000 đồng.

Buộc Công ty C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.728.700 đồng. (*Năm triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000 đồng. (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Trường Đ phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Trường Đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0007194 ngày 23/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Công ty C phải chịu 300.000 đồng. Công ty C đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0007146 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương